

Số: /TM-BVĐKĐN

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

## THƯ MỜI

### V/v chào bảg giá thiết bị dự phòng Công nghệ thông tin cho Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai.

Căn cứ nhu cầu đề xuất của các Khoa/phòng về dự trù mua sắm thiết bị Công nghệ thông tin dự phòng đợt 1 năm 2026;

Căn cứ kế hoạch số 266/BVĐKĐN-CNTT ngày 25/2/2026 của Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai về việc lập kế hoạch hoạt động ứng dụng Công nghệ thông tin và chuyển đổi số của Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ nội dung cuộc họp Hội Đồng Khoa Học Kỹ Thuật ngày 19/05/2026 thông qua danh mục đề xuất danh sách thiết bị dự phòng Công nghệ thông tin đợt 1 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 24/07/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện đa khoa Đồng Nai trực thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai;

Bệnh viện có kế hoạch tìm kiếm đơn vị có năng lực phù hợp nhằm thực hiện “Mua sắm thiết bị dự phòng” Công nghệ thông tin. Để có cơ sở lập danh mục và xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Bệnh viện kính mời các nhà thầu quan tâm chào giá các dịch vụ theo danh mục như sau:

(chi tiết theo phụ lục kèm theo)

Yêu cầu chung đối với các nhà thầu:

- Đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật hiện hành.
- Có hồ sơ năng lực đầy đủ theo quy định.

Thời hạn nộp báo giá: Từ ngày ra Thư mời đến 16 giờ 30 phút ngày 12 tháng 06 năm 2026

Địa chỉ nhận báo giá: Phòng Công nghệ thông tin (P. 324, lầu 3), bệnh viện Đa khoa Đồng Nai.

Địa chỉ: Số 02 đường Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, Thành Phố Đồng Nai.

Người liên hệ: Hồ Huy Bình

Chức vụ: Phó Trưởng Phòng

SĐT: 0933350273

Email: cntt.bvdkdn@gmail.com

Rất mong được sự quan tâm của các nhà thầu.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, CNTT.

**GIÁM ĐỐC**

**Ngô Đức Tuấn**

## PHỤ LỤC THÔNG SỐ KỸ THUẬT

(Đính kèm Thư mời số: /TM-BVĐKĐN ngày tháng năm 2026 của Bệnh viện đa khoa Đồng Nai)

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Bộ máy tính (để bàn)	<b>Bo mạch chủ (mainboard)</b> + CPU hỗ trợ: Bộ vi xử lý >= Core thế hệ 13, thế hệ 14 và Pentium Gold, Celeron + Chipset: H610 Express Chipset + Socket: 1700 + Kích thước: Micro-ATX + RAM hỗ trợ: 3200MHz, 3000MHz, 2933MHz, 2666MHz, 2400MHz, 2133MHz + Khe RAM tối thiểu: 2 khe + Kiểu RAM hỗ trợ: DDR4 + Hỗ trợ bộ nhớ tối thiểu: 64GB + Khe PCI: 1 x PCI Express x16; 1 x PCI Express x1 + Lưu trữ: 1 x M.2 NVMe, 4 x SATA 3 6Gb/s + Cổng kết nối (Internal): tối thiểu phải có: » 01 x 24-pin ATX/ M-ATX/ ITX main power connector » 01 x 8-pin ATX/ M-ATX/ ITX 12V power connector » 01 x CPU fan header » 2 x system fan headers » 01 x M.2 Socket 3 connector » 04 x SATA 6Gb/s connectors » 01 x RGB LED strip header » 01 x front panel header » 01 x front panel audio header » 01 x speaker header	Bộ	69	

		» 01 x USB 3.2 Gen 1 header			
		» 02 x USB 2.0/1.1 headers			
		» 01 x Trusted Platform Module header			
		» 01 x serial port header			
		» 01 x Clear CMOS jumper			
		» 01 x chassis intrusion heade			
		+ Cổng kết nối (Back Panel) tối thiểu phải có:			
		» 01 x PS/2 keyboard/mouse port			
		» 01 x D-Sub port			
		» 01 x HDMI port			
		» 02 x USB 3.2 Gen 1 ports			
		» 04 x USB 2.0/1.1 ports			
		» 01 x RJ-45 port			
		» 03 x audio jacks			
		+ Cổng mạng RJ45: Realtek® GbE LAN chip >= (1 Gbps/100 Gbps/10 Mbps)			
		+ Tính năng khác: Voltage detection; Temperature detection; Fan speed detection; Water cooling flow rate detection; Fan fail warning; Fan speed control.			
		<b>Bộ vi xử lý (CPU)</b>			
		+ Bộ vi xử lý (CPU): Thế hệ Core i5 thế hệ >=13			
		+ Số lõi: >=10			
		+ Số luồng của CPU: >=16			
		+ Tần số Turbo >= 4.6 GHz			
		+ Tần số Turbo của P-core >= 4.6 GHz			
		+ Tần số Turbo E-core >= 3.3 GHz			
		+ Tần số P-core >= 2.5 GHz			
		+ Tần số E-core 1.8 GHz			
		+ Tiêu thụ điện năng: 65W - 148W			
		+ Cache: >= 20MB			

		+ Socket: >= 1700			
		+ RAM hỗ trợ:			
		» Hỗ trợ tối đa: 192 GB			
		»DDR5 up to 4800 MT/s			
		»DDR4 up to 3200 MT/s			
		+ Đồ họa tích hợp: Intel® UHD Graphics 730			
		+ Số cổng PCI Express: 2			
		+ Phiên bản PCI Express: PCIe ® 5.0 & PCIe ® 4.0			
		<b>Bộ nhớ RAM:</b>			
		+ Dung lượng: >= 1 x 08 GB			
		+ Thế hệ: DDR4			
		+ Bus: >= 3200MHz			
		+ CL(IDD): 22 cycles			
		+ Operating Temperature: 0o C to +85o C			
		+ Storage Temperature: -55o C to +100o C			
		<b>Ổ cứng lưu trữ (SSD)</b>			
		+ Kiểu ổ cứng: SSD			
		+ Dung lượng: >=256GB			
		+ Tốc độ ghi: >= 1950MB/s			
		+ Tốc độ đọc: >= 1200MB/s			
		+ Kết nối: M.2 NVMe			
		+ Nguồn điện: 3.3 V			
		+ Thông số khác: MTBF/ TBW: 2.000.000 giờ, nhiệt độ hoạt động cho phép từ 0~70°C			
		<b>Bàn phím (Keyboard)</b>			
		+ Kiểu: Bàn phím thường >=104 phím			
		+ Kiểu kết nối: Có dây			
		+ Kết nối bàn phím: USB 2.0			
		+ Thông số khác: Up to 10 million keystrokes (excludes number lock key), Caps lock indicator light, Num lock indicator light			

		<p><b>Chuột máy tính (Mouse)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kiểu kết nối: Có dây</li> <li>+ Dạng cảm biến: Optical</li> <li>+ Độ phân giải (CPI/DPI): <math>\geq 800</math>DPI</li> <li>+ Kết nối: USB 2.0</li> </ul> <p><b>Bộ nguồn (Power)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nguồn: Micro 500</li> <li>+ Fan: FAN 80mm</li> <li>+ Cổng kết nối: 1 đầu 20 + 4 PIN, 1 đầu cấp nguồn CPU (4+4) pin, Sata x 3</li> </ul> <p><b>Thùng máy (mini case)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hỗ trợ Mainboard: M-ATX/ ITX</li> <li>+ Cổng Kết Nối: USB3.0*2+USB2.0*2+HD Audio</li> <li>+ Hỗ trợ VGA: 255mm</li> </ul> <p><b>Ổ đĩa quang (DVD):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kích thước: 380 x 102 x 305 mm</li> </ul> <p>Không DVD</p> <p><b>Hệ điều hành (OS):</b></p> <p>Free DOS</p> <p><b>Màn hình (Monitor)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kích thước; <math>\geq 21.5</math>" (1920 x 1080), Số điểm ảnh (PPI) <math>\geq 103</math></li> <li>+ Tỷ lệ 16:9</li> <li>+ Tấm nền VA</li> <li>+ Góc nhìn: <math>\geq 178</math> (H) / 178 (V)</li> <li>+ Tần số quét: 100Hz</li> <li>+ Thời gian đáp ứng: 5ms</li> <li>+ Hiển thị màu sắc:<math>\geq 16.7</math> triệu màu</li> <li>+ Độ sáng: 250 cd/m<sup>2</sup></li> <li>+ Hỗ trợ tiêu chuẩn: VESA (100 mm x 100 mm)</li> </ul>			
--	--	---	--	--	--

		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Công hình ảnh: &gt;= 1 HDMI port (HDCP 1.4) (Supports up to FHD 1920 x 1080 100 Hz as per specified in HDMI 1.4), 1 DisplayPort 1.2 (HDCP 1.4) port (Supports up to FHD 1920 x 1080 100 Hz )</li> <li>1 VGA port</li> </ul>			
		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Xuất xứ: Asia</li> <li>+ Thời gian bảo hành bộ máy :&gt;= 36 Tháng</li> </ul>			
<b>2</b>	<b>Thiết bị ký điện tử</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mô tả ngoại quan: Thiết bị có màn hình ký màu, bề mặt ký rộng</li> <li>+ Chữ kí hiển thị thời gian thực.</li> <li>+ Màn hình hiển thị: Màu LCD</li> <li>+ Độ rộng màn: &gt;= 5' (12,8 cm)</li> <li>+ Độ phân giải màn hình: 640 x 480 pixels / 161 x 161 ppi</li> <li>+ Độ phân giải cảm biến: 4.096 x 4.096 pixels / 1.388 x 1.040 ppi</li> <li>+ Vùng ký: &gt;= 100 x 75 mm</li> <li>+ Hiển thị: Slideshow lên đến 10 ảnh</li> <li>+ Phụ kiện: Kèm theo bút ký.</li> <li>+ Có khả năng kết nối kí trên được file PDF hoặc trực tiếp trên phần mềm HIS (quản lý bệnh viện).</li> <li>+ Kích thước tùy chỉnh 300 Dpi đến 800 Dpi</li> <li>+ Kích thước khung chữ ký tùy chỉnh 250 x 150 pixel đến 800 x 400 pixel</li> <li>+ Lưu trữ vùng nhớ tạm.</li> <li>+ Lưu trữ chữ kí dưới dạng ảnh hỗ trợ: JPEG, PNG...</li> <li>+ Định vị vị trí kí điện tử trên văn bản kí.</li> <li>+ Định dạng thời gian kí điện tử trên văn bản.</li> <li>+ Xuất xứ: Khối G7</li> <li>+ Thời gian bảo hành:&gt;= 24 tháng</li> </ul>	<b>Cái</b>	<b>11</b>	
<b>3</b>	<b>Màn hình vi tính</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>Màn hình (Monitor)</b></li> <li>+ Kích thước: &gt;= 21.5" (1920 x 1080), Số điểm ảnh (PPI) &gt;= 103</li> </ul>	<b>Cái</b>	<b>15</b>	

		+ Tỷ lệ 16:9 + Tấm nền VA + Góc nhìn: >=178 (H) / 178 (V) + Tần số quét: 100Hz + Thời gian đáp ứng: 5ms + Hiển thị màu sắc: >=16.7 triệu màu + Độ sáng: 250 cd/m2 + Hỗ trợ tiêu chuẩn: VESA (100 mm x 100 mm) + Cổng hình ảnh: >= 1 HDMI port (HDCP 1.4) (Supports up to FHD 1920 x 1080 100 Hz as per specified in HDMI 1.4), 1 DisplayPort 1.2 (HDCP 1.4) port (Supports up to FHD 1920 x 1080 100 Hz )1 VGA port + Xuất xứ: Asia + Thời gian bảo hành :>= 36 Tháng			
4	<b>Máy in trắng đen</b>	Loại máy in : Máy in Laser trắng đen A4 Khổ giấy tối đa : A4, A5 Độ phân giải : 600x600 dpi Kết nối: USB 2.0 Tốc độ in đen trắng: 18 trang/phút Xuất xứ: Asia Bảo hành: >= 12 tháng	<b>Cái</b>	<b>54</b>	
5	<b>Máy in trắng đen (2 mặt)</b>	Máy in Laser trắng đen hai mặt Thời gian in trang đầu: Black (A4, ready): As fast as >= 6.5 sec Độ phân giải in: >= 1,200 x 1,200 dpi Chu kỳ in hàng tháng: >= 100,000 pages Số hộp mực: 1 (Black) In hai mặt; Automatic (default) Tốc độ xử lý: >= 800 MHz	<b>Cái</b>	<b>2</b>	

		<p>Kết nối tiêu chuẩn: &gt;= 1 Hi-Speed USB 2.0 Host, 1 Hi-Speed USB 2.0 Device, 1 Gigabit Ethernet 10/100/1000T</p> <p>In di động: HP ePrint, Apple AirPrint, Mopria Certified, PrinterOn Print</p> <p>Mạng: HP Jetdirect embedded print server hỗ trợ &gt;= 10Base-T / 100Base-Tx / 1000Base-T, IPsec, 802.11a/b/g/n wireless (optional)</p> <p>Số khay giấy: 2</p> <p>Loại giấy hỗ trợ: Plain, EcoEFFICIENT, light, heavy, bond, colored, letterhead, preprinted, prepunched, recycled, rough, envelopes, labels</p> <p>Khổ giấy tùy chỉnh: Tray 1: 76 x 127 – 216 x 356 mm</p> <p>Khổ giấy hỗ trợ: A4, RA4, A5, B5 (JIS), B6 (JIS), A6, 10x15 cm, 16K, envelopes (B5, C5 ISO, C6, DL ISO)</p> <p>Định lượng giấy: Tray 1: 60 – 200 g/m<sup>2</sup>; Tray 2/3: 60 – 120 g/m<sup>2</sup></p> <p>Dung lượng khay vào: &gt;= 350 sheets (Tray 1: 100 sheets, Tray 2: 250 sheets)</p> <p>Dung lượng khay ra: &gt;=150 sheets</p> <p>Khay phong bì: &gt;= 10 envelopes</p> <p>Hệ điều hành hỗ trợ: Windows 7/8/8.1/10/11, macOS 10.12 – 10.15, Android, iOS</p> <p>Yêu cầu hệ thống tối thiểu: 2 GB HDD space, Internet connection hoặc USB</p> <p>Xuất xứ: Asia</p> <p>Bảo hành: &gt;= 36 tháng</p>			
<b>6</b>	<b>Máy in Barcode (Máy in mã vạch)</b>	<p>In nhiệt : Trực tiếp / Gián tiếp (Direct/ Transfer)</p> <p>Độ phân giải: &gt;= 300 dpi .</p> <p>Tốc độ in: &gt;= 5 ips (127 mm/s)</p> <p>Bộ nhớ: &gt;= 64 MB SDRAM, 128 MB Flash.</p> <p>Khổ in tối đa 105.7 mm.</p> <p>Loại giấy: Gap, Black Mark, Notch, Continuous, Fan-Fold.</p> <p>Loại ribbon : Wax, Wax / Resin, Resin, Outside.</p>	<b>Cái</b>	<b>14</b>	

		Khổ ribbon: 33 – 110 mm x 300m. Đường kính lõi ribbon: 5 mm , 25.4mm Khổ giấy: 25 – 112 mm . Đường kính cuộn giấy tối đa: 130 mm. Đường kính lõi giấy: 4 – 38.1 mm. Cổng giao tiếp: Chuẩn: USB + Serial + Paralell. Tùy chọn: ① USB +Serial+ Ethernet + WLAN <sup>1</sup> Bảo hành: >= 12 tháng Xuất xứ: Khối G20			
7	<b>Máy in số thứ tự</b> (Máy in hóa đơn nhiệt)	Máy in hóa đơn nhiệt In nhiệt trực tiếp (Direct Thermal) Khổ giấy in: 80mm (Chiều rộng in tối đa 72mm) Độ phân giải:>= 180 DPI (Chế độ in văn bản và mã vạch sắc nét) Tốc độ in tối đa: Lên đến 300 mm/s (In nhanh, vận hành êm ái) Cổng kết nối:USB 2.0 + LAN (Ethernet) - Hỗ trợ in từ xa qua mạng nội bộ Dao cắt tự động: Có sẵn (Auto-cutter) với tuổi thọ lên đến 1.5 triệu lần cắt Cảm biến (Sensor): Hết giấy, gần hết giấy (Paper Near End), Mở nắp Bộ nhớ: 64 Mbit SDRAM, 32 Mbit FlashROM Tương thích hệ điều hành: Windows, MacOS, Linux, OPOS, JPOS Độ bền đầu in: 150 km (Linh kiện chịu nhiệt cao cấp) Bảo hành: >=12 tháng Xuất xứ: Khối G20	<b>Cái</b>	<b>8</b>	
8	<b>Máy quét (scan)</b>	Scan 2 mặt Loại máy: Dạng nạp giấy Độ phân giải quang học: Lên tới 600 dpi	<b>Cái</b>	<b>4</b>	

		Độ sâu bit: 24 bit (bên ngoài), 48-bit (nội bộ)			
		Cấp độ hình ảnh thang độ xám: 256			
		Phát hiện nạp nhiều giấy: Có			
		Loại giấy ảnh media: Giấy Cắt, Giấy đã In (Laze và mực), Giấy được Đục lỗ Trước, Séc Ngân hàng, Danh Thiếp, Vận Đơn, Biểu mẫu Không cần dùng giấy than, túi bằng nhựa đựng các tài liệu dễ hỏng, giấy đã dập ghim trước với ghim được tháo ra, Thẻ nhựa (tối đa 1,24 mm)			
		Các tính năng gửi kỹ thuật số tiêu chuẩn: Scan tới máy tính, Scan vào ổ đĩa USB			
		Chế độ đầu vào chụp quét: Một chế độ chụp quét mặc định trên bảng điều khiển trước đối với máy chụp quét HP trong Win OS, HP Easy Scan/ICA trong Mac OS và các ứng dụng của bên thứ ba thông qua TWAIN, ISIS và WIA			
		Tính năng tiên tiến của máy chụp quét: Tự động phơi sáng, Tự động tạo ngưỡng, Tự động phát hiện màu, Làm mịn/xóa nền, Tự động phát hiện kích cỡ, Làm thẳng nội dung, Cải thiện nội dung, Nhiều luồng, Tự động nạp, Cảm biến phát hiện nhiều nguồn cấp, Phát hiện nhiều nguồn cấp nâng cao, Tự động định hướng, Bỏ nhiều màu, Bỏ màu kênh, Xóa viền, Xóa trang trống, Hợp nhất các trang, Xóa lỗi, Cho phép PDF, Tách tài liệu (Trang trống, Mã vạch, Mã vạch khu vực, OCR khu vực)			
		Bảng điều khiển: Nút Chụp quét, nút Nguồn với đèn LED và đèn LED để báo lỗi.			
		Công suất khay nạp tài liệu tự động: Chuẩn, 50 tờ			
		Tùy chọn chụp quét (ADF): Hai mặt một lần			
		Tốc độ chụp quét của khay nạp tài liệu tự động: Tối đa 40 trang/phút hoặc 80 ảnh/phút			
		Kích thước chụp quét (ADF), tối đa / tối thiểu: Tối đa: 216 x 3100 mm			
		Tối thiểu: 50,8 x 50,8 mm			
		Trọng lượng giấy ảnh media, được hỗ trợ ADF: 40 đến 210 g/m2			

		Kết nối, tiêu chuẩn: USB 3.0			
		Hệ điều hành tương thích: Microsoft® Windows® (10, 8.1, 7, XP: 32-bit và 64-bit, 2008 R2, 2012 R2, 2016, 2019); MacOS (Catalina 10.15, Mojave 10.14, High Sierra 10.13); Linux (Ubuntu, Fedora, Debian, RHEL, Linux Mint, Open Suse, Manjaro); Citrix ready			
		Bộ nhớ: >=256 MB			
		Bảo hành: >=12 tháng			
		Xuất xứ: Asia			
<b>9</b>	<b>Máy quét mã vạch</b>	Quét mã vạch đa chiều		<b>20</b>	
		Giao diện máy chủ được hỗ trợ: USB, RS232, Keyboard Wedge, TGCS (IBM) 46XX over RS485			
		Cổng từ an ninh điện tử: Tương thích với Checkpoint EAS deactivation system			
		Chỉ báo người dùng: Đèn LED và âm báo (có thể điều chỉnh âm lượng)			
		Tốc độ quét: Lên đến 120 in./305 cm. mỗi giây cho 13 mil UPC ở chế độ tối ưu hóa			
		Nguồn sáng: Circular 617 nm amber LED			
		Chiếu sáng: Đèn LED đỏ 660 nm			
		Trường quét: 52° H x 33° V nominal			
		Cảm biến hình ảnh: 1280 x 800 pixels			
		Độ tương phản tối thiểu: 15%			
		Môi trường: Nhiệt độ vận hành: 32.0°F đến 122.0°F / 0.0°C đến 50.0°C			
		Nhiệt độ lưu trữ: -40.0°F đến 158.0°F / -40.0°C đến 70.0°C			
		Độ ẩm: 5 - 95% không ngưng tụ			
		Chuẩn: IP52			
		Loại mã vạch có thể đọc: 1D: Code 39, Code 128, Code 93, Codabar/NW7, Code 11, MSI Plessey, UPC/EAN, I 2 of 5, Korean 3 of 5, GS1 DataBar, Base 32 (Italian Pharma)			

		<p>Code 39, Code 128, Code 93, Codabar/NW7, Code 11, MSI Plessey, UPC/EAN, I 2 of 5, Korean 3 of 5, GS1 DataBar, Base 32 (Italian Pharma)</p> <p>2D: PDF417, Micro PDF417, Composite Codes, TLC-39, Aztec, DataMatrix, MaxiCode, QR Code, Micro QR, Han Xin, Postal Codes, securPharm, DotCode, Dotted DataMatrix</p> <p>OCR: OCR-A, OCR-B, MICR, US currency</p> <p>Digimarc: Có sẵn trên các mẫu cụ thể. Tham khảo thêm Hướng dẫn sản phẩm để biết đầy đủ danh sách.</p> <p>Độ phân giải phần tử tối thiểu: Code 39: 3 mil; Code 128: 3 mil; Data Matrix: 5 mil; QR Code: 5 mil</p> <p>Bảo hành: &gt;= 12 tháng</p> <p>Xuất xứ: Asia</p>			
10	<b>Bàn phím máy tính</b>	<p><b>Bàn phím máy tính (Keyboard)</b></p> <p>+ Kiểu: Bàn phím thường &gt;=104 phím</p> <p>+ Kiểu kết nối: Có dây</p> <p>+ Kết nối bàn phím: USB 2.0</p> <p>+ Thông số khác: Up to 10 million keystrokes (excludes number lock key), Caps lock indicator light, Num lock indicator light</p> <p>+ Bảo hành: &gt;= 12 tháng</p> <p>+ Xuất xứ: Asia</p>		40	
11	<b>Chuột máy tính</b>	<p><b>Chuột máy tính (Mouse)</b></p> <p>+ Kiểu kết nối: Có dây</p> <p>+ Dạng cảm biến: Optical</p> <p>+ Độ phân giải (CPI/DPI): &gt;= 800DPI</p> <p>+ Kết nối: USB 2.0</p> <p>+ Bảo hành: &gt;= 12 tháng</p> <p>+ Xuất xứ: Asia</p>		40	

**Lưu ý: Đơn vị chào giá hàng hoá phải có tính năng kỹ thuật, cấu hình, thông số và các yêu cầu kỹ thuật khác tương đương hoặc tốt hơn cấu hình tối thiểu như trên.**

**\*\* Yêu cầu về Dịch vụ kỹ thuật:**

- 1.1. Yêu cầu về tiến độ thực hiện và địa điểm triển khai Nhà thầu chịu trách nhiệm vận chuyển thiết bị đến Bệnh viện Đa Khoa Đồng Nai.
- 1.2. Bảo hành tận nơi:
  - Địa chỉ: số 2 đường Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, Thành phố Đồng Nai và bố trí đầy đủ nhân lực cùng thiết bị để thực hiện bốc dỡ, bàn giao hàng hóa theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Nhà thầu phải tính toán toàn bộ chi phí liên quan đến vận chuyển, lưu kho và bảo quản, chi phí bốc xếp,... vào giá chào để bàn giao hàng hóa theo yêu cầu.
- 1.3. Yêu cầu về công tác lắp đặt Hỗ trợ cấu hình cài đặt các thiết bị máy móc bao gồm hệ điều hành, thi công lắp đặt, kết nối theo yêu cầu chủ đầu tư. Yêu cầu về cài đặt hệ điều hành Windows, phần mềm điều khiển thiết bị (driver), cấu hình thiết bị theo yêu cầu chủ đầu tư.
- 1.4. Yêu cầu về công tác chạy thử Thực hiện chạy thử để kiểm tra các thông số: thông số CPU, RAM, dung lượng ổ cứng,...;
- 1.5. Yêu cầu về công tác bảo hành, bảo trì và xử lý sự cố Trong thời hạn bảo hành, bảo trì thiết bị nếu xảy ra hư hỏng bên nhà thầu phải cử kỹ sư kiểm tra, khắc phục lỗi trong vòng 2 giờ và có mặt trong vòng 1 giờ kể từ khi tiếp nhận yêu cầu hỗ trợ tại bệnh viện để khắc phục sự cố. Nhà thầu phải cung cấp danh sách kỹ sư, số điện thoại liên lạc hỗ trợ chủ đầu tư.